TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/DS-ST
Ngày: 22/9/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kia
2. Bà Nguyễn Thị Huê

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2017/TLST-DS ngày 04/5/2017, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-DS ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 2, phường An Bình, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Đại diện theo ủy quyền của bà H:* Ông Mai Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: 142 Lê Thánh Tôn, phường Ia Kring, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1980; địa chỉ: 837B Quang Trung, tổ 6, phường An Bình, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn (theo yêu cầu của bị đơn):* Bà Huỳnh Thị Thu N, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 6, phường An Bình, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Mai Văn T trình bày:

Trước ngày 16/11/2016 bà S có gặp bà H để hỏi vay số tiền 200.000.000đồng, khi đó bà H chỉ có 35.000.000đồng tiền mặt nên có đưa trước

cho bà S số tiền 35.000.000đồng và nói khi nào gom đủ 165.000.000đồng còn lại thì sẽ đưa sau. Vì là chỗ bạn bè thân tình nên khi đó hai bên không có viết giấy tờ gì cả. Sau đó, đến ngày 16/11/2016 bà H gom đủ số tiền 165.000.000đồng nhưng do có công việc đi xa nên bà đã chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng Agribank của ông Đặng Ngọc C và nhờ ông C rút tiền từ tài khoản để đưa cho bà S vay số tiền 165.000.000đồng. Khi vay tiền, bà S đã ký xác nhận vào "Giấy nhận tiền" đề ngày 16/11/2016 do ông C đánh máy trước với nội dung chính là bà S có nhận từ ông Đặng Ngọc C số tiền 165.000.000đ từ tài khoản của bà H và thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 1,5%/tháng.

Tuy nhiên, từ thời điểm vay đến nay bà S chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào. Bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà S không trả. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S phải trả số tiền gốc đã vay là 165.000.000đồng và khoản tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng từ ngày viết giấy nhận tiền nay tính được là 25.284.656đ. Tổng cộng là 190.284.656đồng. Đối với số tiền 35.000.000đ đồng bà S vay trước đó, do không có giấy tờ chứng minh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 18/5/2017 cũng như trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị S trình bày:

Bà thừa nhận ngày 16/11/2016 có nhận tiền của bà H từ ông Đặng Ngọc C với số tiền là 165.000.000đồng, khi nhận tiền bà có ký xác nhận vào "Giấy nhận tiền" đề ngày 16/11/2016, khi vay hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 4,5%/tháng chứ không phải 1,5%/tháng như bà H trình bày. Số tiền này bà vay dùm cho bà Huỳnh Thị Thu N (chị ruột bà S), bà chỉ nhận tiền thay cho bà N chứ bà không liên quan và cũng không vay tiền của bà H. Theo bà được biết thì sau khi vay tiền, bà N đã nhiều lần đứng ra trả nợ cho bà H, cụ thể theo bà N cung cấp thì ngày 26/3/2017 bà H cho người đến gặp bà N cân heo thịt để trừ nợ, tổng cộng là 70 con heo với tổng số tiền là 161.000.000đồng. Theo bà thì hiện nay bà N chỉ còn nợ số tiền 4.000.000đồng của bà H, về số tiền lãi thì bà N cũng đã trả đầy đủ. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền gốc và lãi tổng cộng là 190.284.656đ như tại phiên tòa thì bà không đồng ý vì bà không liên quan. Bà yêu cầu Tòa đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong bản tự khai ngày 23/5/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Thu N trình bày:

Vào ngày 16/11/2016 bà có viết giấy nhờ em bà là Huỳnh Thị S đi mượn (vay) dùm số tiền là 165.000.000đồng, bà H lấy tiền lãi là 7.425.000đồng tương ứng lãi suất là 4,5%/tháng. Ngày 22/3/2017 bà H gọi điện đòi tiền thì bà chưa có tiền trả nên bà H nói để kêu người đến cân heo thịt trừ nợ thì bà cũng đồng ý. Đến ngày 26/3/2017 bà H cho người đến cân tổng cộng là 70 con heo, tính ra giá trị là 161.000.000đồng (34.000đồng/kg x 4737kg), số tiền này bà H trừ vào số tiền đã mượn là 165.000.000đồng, còn nợ lại 4.000.000đồng. Sau khi cân heo thì bà đã

gọi điện yêu cầu bà H trả lại "giấy nhận tiền" mà bà S đã ký với ông C nhưng bà H nói giấy do ông C đang giữ sẽ trả sau. Đến ngày 03/4/2017 tại nhà bà H, bà có mượn thêm tiền của bà H để làm ăn thì bà H yêu cầu phải viết giấy mượn nợ, khi đó bà đã viết giấy mượn nợ kèm theo nội dung là đã tính trừ nợ xong của bà Huỳnh Thị S. Vì vậy, bà S không còn liên quan gì đến số tiền 165.000.000đồng như bà H đã khởi kiện, hiện nay bà chỉ còn nợ lại bà H số tiền là 4.000.0000đồng. Ngoài ra, bà yêu cầu bà H phải xuất trình "giấy mượn tiền" ngày 03/4/2017 để làm rõ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã yêu cầu nhưng bị đơn bà S và người có nghĩa vụ liên quan bà Nh không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh: Việc thỏa thuận bà S vay 165.000.000đ là vay dùm bà N; chứng minh số tiền gốc, lãi đã trả, số tiền còn nợ như lời trình bày nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả khoản tiền nợ gốc 165.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến nay theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Bác phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi vượt quá của nguyên đơn. Buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định: Việc bà Huỳnh Thị S có nhận số tiền 165.000.000đồng của bà Trần Thị Lệ H vào ngày 16/11/2016 từ ông Đặng Ngọc C và đã viết giấy xác nhận vay của bà H khoản tiền này là có thật. Đến nay xảy ra tranh chấp nên bà H đã nộp đơn khởi kiện bà S tại Tòa án nhân dân thị xã A yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã A tiến hành thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

2. Về chứng cứ: Khi khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án "Giấy nhận tiền" đề ngày 16/11/2016 (Bút lục 37). Chứng cứ này bà S thừa nhận là do chính bà S ký xác nhận với nội dung chính là *"Tôi có nhận của anh: Đặng Ngọc Cường tổ 6 phường An Phú, thị xã A số tiền 165.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Số tiền này anh C rút ra từ tài khoản của bà Trần Thị Lệ H cho tôi mượn"*. Tại bản khai ông Đặng Ngọc C có lời khai xác nhận ngày 16/11/2016 bà H có chuyển tiền cho ông và nhờ ông rút tiền từ tài khoản cho bà S vay 165.000.000đ là có thật. Ông C đã rút số tiền này và đưa cho bà S theo lời bà

H nhờ và bà S có viết giấy biên nhận nhận tiền 165.000.000đ của bà H từ ông C như bà H đã khởi kiện. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chứng cứ này không cần phải chứng minh.

3. Về nội dung tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án bà S và bà N khai khoản vay 165.000.000đ bà H là bà S vay dùm cho bà N, chứ bà S không vay và cũng không nợ bà H khoản tiền này. Bị đơn bà S và người có nghĩa vụ liên quan là bà N không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho việc giữa bà H, bà S và bà N có thỏa thuận khoản vay 165.000.000đ này là khoản bà N vay bà H và bà S chỉ đứng ra nhận tiền dùm bà N như lời hai chị em bà N bà S trình bày. Tại phiên tòa hôm nay bà S có cung cấp cho Tòa giấy mượn tiền do bà N tự viết và tự ký tên với nội dung nhờ bà S vay 165.000.000đ từ bà H, tuy nhiên trong giấy này không có chữ ký của bà S lẫn bà H để chứng minh việc bà S vay tiền bà H là vay dùm bà N. Bà N còn khai ngày 03/4/2017 tại nhà bà H, bà có mượn thêm tiền của bà H để làm ăn thì bà H yêu cầu phải viết giấy mượn nợ, khi đó bà đã viết giấy mượn nợ kèm theo nội dung là đã tính trừ nợ xong khoản nợ của bà Huỳnh Thị S, giấy này bà không giữ mà bà H đang giữ. Tuy nhiên điều này không được bà H công nhận. Xét thấy chứng cứ mà bà S nộp không thể hiện được nội dung cần chứng minh nêu trên nên lời khai của bà S và bà Nkhông đủ cơ sở xem xét. Việc bà S cho rằng nghĩa vụ trả nợ khoản vay này là của bà N là không có cơ sở để chấp nhận.

Bà N cho rằng ngày 26/3/2017 bà H cho người đến cân tổng cộng là 70 con heo, tính ra giá trị là 161.000.000đồng (34.000đồng/kg x 4737kg), số tiền này bà H trừ vào số tiền đã 165.000.000đồng mà bà S vay dùm, nên bà N chỉ còn nợ bà H 4.000.000đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà H thừa nhận ngày 26/3/2017 bà có cân 70 con heo của bà N thành tiền 161.000.000đ như bà N trình bày, nhưng bà H cho rằng việc bà cân heo của bà N là để trừ khoản nợ mà bà N nợ bà, chứ không liên quan gì tới khoản bà S vay 165.000.000đ như bà S, bà N trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy bà S, bà N không chứng minh được phần nghĩa vụ trả nợ khoản tiền vay 165.000.000đ cho bà H là của bà N nên việc cân mua heo giữa bà H với bà N là một quan hệ pháp luật khác, không liên quan đến mối quan hệ vay tiền giữa bà S và bà H, nên Hội đồng xét xử không giải quyết tranh chấp giữa bà N với bà H trong cùng vụ án này.

Xét thấy bà S và bà H là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã tự nguyện giao kết với nhau hợp đồng vay tiền được thể hiện qua "giấy nhận tiền" đề ngày 16/11/2016 với số tiền vay là 165.000.000đồng. Trong giấy nhận tiền này không ghi thời hạn trả nợ và lãi suất, nhưng theo bà H khai hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng còn bà S khai lãi suất 4,5%/tháng. Như vậy, hợp đồng vay tài sản nêu trên là loại hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất, phù hợp với quy định của Điều 122, 471, khoản 2 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005, nên có hiệu

lực pháp luật ràng buộc trách nhiệm dân sự của các bên. Theo quy định tại đoạn 2 điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì trong trường hợp này cần áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết tranh chấp. Do bà H đã đòi nợ nhiều lần mà bà S không trả khoản tiền đã vay nên bà S đã vi phạm nghĩa vụ dân sự mà hai bên cam kết theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 474, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005. Phía nguyên khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc 165.000.000đ là có căn cứ theo quy định tại các Điều 255, 471, 474, 476, 477 của Bộ Luật dân sự 2005, Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

4. Về khoản lãi: Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất vay nhưng lại không thống nhất với nhau về mức lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với số tiền là 25.284.656đ kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay, bị đơn không đồng ý. Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 BLDS 2005 trong trường hợp có tranh chấp về mức lãi suất thì lãi suất được áp dụng là lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm vay. Mặt khác theo quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005 thì trong trường hợp đến hạn bên vay không trả lãi hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước thì mức lãi suất cơ bản tại thời điểm vay là 9%/năm tức 0,75%/tháng.

Như vậy khoản lãi suất trong hạn và quá hạn đều được áp dụng lãi suất cơ bản để tính, nên tính được là: 165.000.000đ x 0,75%/tháng x 10 tháng 06 ngày = 12.622.500đ. Nguyên đơn yêu cầu khoản tiền lãi 25.284.656đ là vượt quá lãi suất do nhà nước quy định là 12.662.156đ.

Như vậy cần buộc bị đơn bà Huỳnh Thị S phải trả cho bà H tổng số tiền gốc và tiền lãi là 177.622.500đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

5. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 177.622.500đ x 5%= 8.881.125đ.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu tiền lãi vượt quá không được chấp nhận là 12.662.156đ. x 5% = 633.107đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 256, 471, khoản 1, khoản 5 Điều 474, khoản 2 Điều 476, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005; đoạn 2 điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H.

- Buộc bà Huỳnh Thị S phải trả cho bà Hoa tổng số tiền gốc và tiền lãi là 177.622.500đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu tiền lãi vượt quá của bà H với số tiền là 12.662.156đ.đ (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn một trăm năm sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc bà Huỳnh Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 8.881.125đ (Tám triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 633.107đ. Bà H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.625.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000891 ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Chi cục THADS thị xã A. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng đã nộp thừa là 3.991.893đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay 22/9/2017 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS tx A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Long Sơn